

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 33/2017/DS-PT
Ngày 12 - 9 - 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu di dời tài sản trên
đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;
Bà Chu Lệ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Phạm Thị Kim Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (theo văn bản ủy quyền số 924/GUQ-UBND ngày 13/12/2016), vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn:

2. Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1985, vắng mặt

3. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990, vắng mặt

4. Anh Nguyễn Đình S1, sinh năm 1979, vắng mặt

Anh S, anh T, anh S1 cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đình S2, sinh năm 1981, có mặt;

Chị N, anh S2 cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình S, anh Nguyễn Đình T, anh Nguyễn Đình S1, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đình S2: Bà Nông Thị T (theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016 và 04/12/2016).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn:

7. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, có mặt;

8. Bà Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị X), sinh năm 1932, vắng mặt;

Bà C, bà S cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

9. Ông Vi Quế T (Vi Văn M), sinh năm 1928, vắng mặt;

10. Chị Vi Thị C, sinh ngày 1983, vắng mặt;

11. Anh Vi Văn C, sinh năm 1986, vắng mặt;

Ông T, chị C, anh C cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

12. Chị Vi Thị C1, sinh năm 1991, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn L1, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

13. Chị Vi Thị K, sinh năm 1993, vắng mặt;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 16, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Quế T, bà Nguyễn Thị S, chị Vi Thị C, anh Vi Văn C, chị Vi Thị C1, chị Vi Thị K: Ông Vi Văn T (theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2017 và 22/3/2017).

14. Anh Vi Út N, sinh ngày 28/5/2000.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của anh N: Ông Vi Văn T.

- *Người kháng cáo:* Ông Vi Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nông Thị T và ông Vi Văn T tranh chấp diện tích 791,9m², đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ 85 tọa Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh

Lạng Sơn; trên đất có các tài sản 01 cây keo do bà Nông Thị T trồng năm 2009; 80 cây sưa, 02 cây nhãn, 02 cây dâu, 01 cây mít, 01 cây đào, 02 cây bưởi do ông Vi Văn T trồng năm 2014 và năm 2015 (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 03/3/2017; giá trị tài sản trên đất do ông Vi Văn T trồng trị giá 2.265.000đ; tài sản do bà Nông Thị T trồng trị giá 60.000đ). Thửa đất trên Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR950562 cho hộ bà Nông Thị T ngày 31/12/2013. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 243; phía Đông giáp đất ông Vi Văn T; phía Bắc giáp đất ông Nông Trung K; phía Tây giáp đất ông Nông Trung K.

Quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp nêu trên theo bà Nông Thị T: Gia đình bà đã trồng sản từ năm 1976 đến năm 2004, bà dựng căn nhà gỗ ba gian để chăn vịt sau đó năm 2008 bà đã dỡ nhà đi về Thôn B, xã H ở cùng các con nhưng đất bà vẫn tiếp tục canh tác. Năm 2009, bà có trồng 30 cây keo xung quanh mảnh đất để làm ranh giới, nhưng tháng 6 năm 2011 ông Vi Văn T đã tự ý chặt và cuốc hết keo đi, khi ông Vi Văn T chặt keo bà có gọi trưởng thôn, Bí thư chi bộ Thôn T xuống giải quyết nhưng thôn không lập biên bản đến nay chỉ còn 01 cây keo trên đất. Năm 2010 Nhà nước làm đường 243 có chiếm dụng vào diện tích đất trên để làm đường gia đình bà được Nhà nước bồi thường số tiền 11.560.000đồng. Năm 2014 do cháu bà bị ốm bà phải ở nhà chăm sóc cháu nên để đất trống, tháng 6 năm 2014 ông Vi Văn T đến cuốc bỏ hốc đất để trồng sưa, bà đã sang nói chuyện nhưng ông Vi Văn T vẫn cố tình trồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Vi Văn T phải di dời toàn bộ cây trên đất gồm: 80 cây sưa, 02 cây nhãn, 02 cây dâu, 01 cây mít, 01 cây đào, 02 cây bưởi và trả lại diện tích đất 791,9m² cho gia đình bà quản lý, sử dụng.

Về phía ông Vi Văn T cho rằng mảnh đất tranh chấp trên có nguồn gốc là của bố mẹ ông (ông Vi Văn M, bà Nguyễn Thị S) khai phá. Sau khi khai phá gia đình ông cho ông V mượn để canh tác đến năm 1982 thì gia đình ông lấy về và trồng ngô, sản (ông V hiện nay sinh sống ở đâu ông không rõ). Năm 2005, ông Nguyễn Đình T1 (chồng bà Nông Thị T) có sang hỏi ông mượn một góc đất trên diện tích đất tranh chấp để làm chòi chăn vịt. Năm 2007, ông Nguyễn Đình T1 muốn mua mảnh đất này, vợ chồng ông đồng ý với giá 3.000.000đồng tuy nhiên ông Nguyễn Đình T1 không đưa tiền nên việc mua bán đất chưa được thực hiện. Khoảng năm 2006, 2007, ông Nguyễn Đình T1 dỡ chòi chăn vịt trả lại đất cho ông và gia đình ông tiếp tục quản lý canh tác. Năm 2010, khi Nhà nước làm đường 243, gia đình ông cũng được bồi thường hơn 80.000.000 đồng đối với diện tích đất gia đình ông đang ở, thời điểm đó ông cũng biết gia đình bà Nông Thị T cũng được Nhà nước bồi thường tiền đất đối với thửa đất tranh chấp nêu trên nhưng ông không có ý kiến gì vì nghĩ còn tình cảm chị em. Năm 2014, ông trồng sưa, nhãn, dâu, mít, đào và bưởi không thấy bà Nông Thị T có ý kiến phản đối. Bà Nông Thị T cho rằng năm 2011 ông đã chặt 30 cây keo của bà là không đúng vì trên đất từ năm 2007 đến nay chỉ trồng cây sưa chứ không canh tác cây gì khác. Ông không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho bà Nông Thị T.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H khẳng định: Năm 2011 - 2013, xã H đã tiến hành đo đạc bản đồ địa chính và tiến hành đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân tại xã H. Hộ bà Nông Thị T đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 791,9m² thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 85. Về quy trình cấp đất cho hộ bà Nông Thị T đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Năm 2010 khi mở đường 243 có chiếm dụng một phần diện tích thửa đất bà Nông Thị T đang quản lý nên nhà nước còn bồi thường tiền đất cho gia đình bà Nông Thị T.

Với nội dung trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T, bà Nông Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 791,9m² là đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 28, tờ bản đồ 85 tọa tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR950562 ngày 31/12/2013 cho hộ bà Nông Thị T. Đất có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 234, có chiều dài cạnh là 17,37m.
- Phía Đông giáp đất ông Vi Văn T có chiều dài các cạnh là 2,03m + 9,21m + 3,68m + 6,28m + 4,35m + 11,2m + 8,73m + 1,46m.
- Phía Bắc giáp đất ông Nông Trung K có chiều dài các cạnh là 3,20m + 11,95m.
- Phía Tây giáp đất ông Nông Trung K có chiều dài các cạnh là 2,11m + 24,23m + 5,59m + 17,36m (có sơ đồ bút lục 131 kèm theo).

Buộc ông Vi Văn T phải di dời 02 cây nhãn, 02 cây dâu, 01 cây mít, 01 cây đào, 02 cây bưởi, 80 cây sưa có trên đất ra khỏi thửa đất số 28, tờ bản đồ 85 để trả lại mặt bằng đất cho bà Nông Thị T.

2. Bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR950562 ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ bà Nông Thị T của ông Vi Văn T.

Về chi phí tố tụng: Ông Vi Văn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 3.680.000đ.

Án phí sơ thẩm ông Vi Văn T phải chịu 1.578.265đ sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/6/2017, ông Vi Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm công nhận diện tích đất tranh chấp 791,9m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 28, tờ bản đồ số 85 tọa tại Thôn T, xã H, huyện H cho gia đình ông quản lý sử dụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 28 tờ bản đồ số 85 diện tích 791,9m² mà Ủy ban nhân dân huyện H đã

cấp cho bà Nông Thị T. Ông cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Hoàng Văn C và ông Hoàng Trung R làm nhân chứng trong vụ án là không vô tư, khách quan vì các nhân chứng trên đều có mâu thuẫn với gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Vi Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thấy nguồn gốc đất tranh chấp gia đình bà Nông Thị T đã khai phá và quản lý sử dụng ổn định từ năm 1976. Ông Vi Văn T cho rằng gia đình ông cho bà Nông Thị T mượn đất năm 2005 để làm lều chăn vịt và trồng màu nhưng tại phiên tòa ông không đưa ra được căn cứ chứng minh đất tranh chấp là của gia đình ông cho bà Nông Thị T mượn, bà Nông Thị T không thừa nhận có việc mượn đất, năm 2010 khi mở đường 243 có chiếm dụng một phần diện tích thửa đất bà Nông Thị T đang quản lý Nhà nước bồi thường tiền đất cho gia đình bà Nông Thị T ông biết nhưng không có ý kiến gì. Quá trình kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Vi Văn T thừa nhận được nhận diện thửa đất trước khi kê khai. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn T giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở lời khai của các bên tại phiên tòa có căn cứ xác định trước năm 2004 gia đình bà Nông Thị T đã quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp, đến năm 2004 bà làm nhà trên một phần thửa đất tranh chấp nêu trên, quá trình quản lý bà Nông Thị T ngoài việc canh tác trồng cây ngắn ngày như sắn, năm 2009 bà còn trồng keo trên đất. Năm 2010 khi Nhà nước mở đường 243 có chiếm dụng một phần diện tích thửa đất (28) nêu trên, gia đình bà đã được Nhà nước bồi thường tiền đất 11.560.000đ. Cùng thời điểm đó gia đình ông Vi Văn T cũng được Nhà nước bồi thường 80.000.000đ tiền đất đối với thửa đất liền kề (thửa 29) do làm đường bị chiếm dụng. Việc Nhà nước bồi thường tiền đất cho gia đình bà Nông Thị T tại phiên tòa ông Vi Văn T thừa nhận biết nhưng không có ý kiến gì. Quá trình thẩm định, xem xét tại chỗ ông Vi Văn T cũng thừa nhận cây keo hiện có trên đất do bà Nông Thị T trồng, còn các tài sản khác có trên đất như cây sưa, bưởi, dâu, đào do gia đình ông trồng năm 2014. Cùng thời điểm hộ gia đình bà Nông Thị T kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đối với thửa đất số 28 tờ bản đồ số 85 thì gia đình ông Vi Văn T cũng kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20 và thửa số 29 tờ bản đồ số 85 liền kề thửa đất số 28 của bà Nông Thị T, tại phiên tòa hôm nay ông cũng thừa nhận

ông được nhận diện thửa đất trên bản đồ địa chính trước khi kê khai, trong thời hạn công khai theo quy định ông Vi Văn T không có đơn tranh chấp về ranh giới thửa đất, tranh chấp hiện trạng sử dụng đất thửa 28 với bà Nông Thị T. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã H xác định gia đình bà Nông Thị T là người đang sử dụng đất ổn định thửa đất 28 diện tích 791,9m², không có tranh chấp là có căn cứ. Trên cơ sở xác nhận tình trạng đất của Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nông Thị T đối với diện tích 791,9m² thuộc thửa 28 tờ bản đồ số 85 bản đồ địa chính xã H là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Như vậy trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện H cho bà Nông Thị T đối với diện tích 791,9m² thuộc thửa 28 tờ bản đồ số 85 bản đồ địa chính xã H là đúng trình tự và đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 107; khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 166; Điều 189 Bộ luật dân sự năm 2015, bản án sơ thẩm không sử dụng lời khai của các nhân chứng ông Hoàng Văn C, ông Hoàng Trung R để làm căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy kháng cáo yêu cầu được sử dụng diện tích đất tranh chấp và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho bà Nông Thị T diện tích 791,9m² thuộc thửa 28 tờ bản đồ số 85 bản đồ địa chính xã H của ông Vi Văn T là không có cơ sở.

[2] Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Vi Văn T phải chịu án phí phúc thẩm để sung công quỹ.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 107; khoản 1 Điều 166; Điều 189 Bộ luật dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị T, bà Nông Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 791,9m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 28, tờ bản đồ 85 tọa tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR950562 ngày 31/12/2013 cho hộ bà Nông Thị T. đất có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 234, có chiều dài cạnh là 17,37m.
- Phía Đông giáp đất ông Vi Văn T có chiều dài các cạnh là 2,03m + 9,21m + 3,68m + 6,28m + 4,35m + 11,2m + 8,73m + 1,46m.
- Phía Bắc giáp đất ông Nông Trung K có chiều dài các cạnh là 3,20m + 11,95m.

- Phía Tây giáp đất ông Nông Trung K có chiều dài các cạnh là 2,11m+ 24,23m+ 5,59m+ 17,36m (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Vi Văn T phải di dời 02 cây nhãn, 02 cây dâu, 01 cây mít, 01 cây đào, 02 cây bưởi, 80 cây sưa ra khỏi diện tích đất tranh chấp trả lại mặt bằng đất cho bà Nông Thị T.

Bác yêu cầu của ông Vi Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR950562 của Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho hộ bà Nông Thị T ngày 31/12/2013.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vi Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR950562 ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ bà Nông Thị T.

3. Về án phí: Ông Vi Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/04484 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hồng

